

Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris về Việt Nam

TS TRẦN TĂNG KHÔI

Học viện Chính trị khu vực III

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở cả hai miền đất nước, đã tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Với hiệp định này, quân xâm lược Mỹ và đồng minh đã phải rút khỏi miền Nam nước ta, tạo thế xoay chuyển có lợi cho cách mạng Việt Nam, dẫn đến ngày toàn thắng 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

1. Những thắng lợi của ta về quân sự, chính trị, ngoại giao giai đoạn 1965 - 1968 đã buộc chính quyền Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh và chấp nhận đàm phán tại Hội nghị Paris

Hiệp định Paris năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết là hệ quả tất yếu từ những thất bại quân sự của đế quốc Mỹ và tay sai trên chiến trường, đồng thời là đỉnh cao của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị với đấu tranh ngoại giao của ta trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris.

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ (7-1954) về đình chỉ chiến sự và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, đế quốc Mỹ vội vã nhảy vào miền Nam, thế chân thực dân Pháp với âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Với bản chất giấu mặt, trá hình của chủ nghĩa thực dân mới, Mỹ đã đạo diễn, ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai ở miền Nam xé bỏ điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ (7-1954) về ý nguyện tổng

tuyên cử thống nhất hai miền Nam - Bắc, khủng bố phong trào cách mạng miền Nam bằng chính sách “tổ cộng, diệt cộng” hết sức tàn bạo. Tiếp đó, Mỹ tiếp tục thực hiện các chiến lược chiến tranh cùng với chính sách ngoại giao xảo quyệt nhằm hiện thực hóa âm mưu xâm lược của mình.

Sau thất bại trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đem hàng trăm nghìn quân tinh nhuệ cùng quân các nước đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam. Từ năm 1965, lực lượng quân đội Mỹ trên chiến trường miền Nam ngày càng tăng và đạt tới gần nửa triệu quân vào năm 1967.

Cùng với việc tăng cường đưa lực lượng quân đội vào miền Nam và leo thang đánh phá miền Bắc, trong tuyên bố tại Baltimore, ngày 08-04-1965, Tổng thống Johnson đưa ra yêu sách “đàm phán không điều kiện” nhằm che đậy hành động leo thang chiến tranh của Mỹ và đánh lạc hướng dư luận quốc tế. Rõ ràng là Mỹ vẫn hy vọng giành thắng lợi bằng quân sự! Điều đó cho thấy rằng: một khi Mỹ đang ra sức đưa quân đội và vũ khí vào miền Nam và vẫn tin tưởng sẽ giành thắng lợi bằng quân sự thì chưa thể có hòa bình. Trước tình hình đó, bản lĩnh chính trị của Đảng ta được thể hiện bằng việc động viên quân và dân cả nước nỗ lực chống lại các cuộc phản công chiến lược của Mỹ ở miền Nam và chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục lãnh đạo các cuộc đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh ngoại giao nhằm

phoi bày hành động chiến tranh xâm lược của Mỹ trước dư luận quốc tế và chưa đề cập đến vấn đề đàm phán. Lập trường kiên quyết của ta thể hiện trong Tuyên bố bốn điểm ngày 08-04-1965 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

- Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.
- Mỹ rút hết quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.
- Mỹ thừa nhận: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là một thực thể chính trị để thương lượng.
- Hai miền Nam, Bắc Việt Nam không có liên minh quân sự với nước ngoài. Công việc nội bộ của Việt Nam do nhân dân Việt Nam tự giải quyết”¹.

Nội dung tuyên bố trên đây là những nguyên tắc cốt lõi của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc đàm phán tại Hội nghị Paris sau này.

Từ năm 1965, lực lượng vũ trang của ta từng bước bẻ gãy các cuộc phản công “tìm diệt”, “bình định” (1965 - 1967) của địch, đồng thời chủ động mở các cuộc tiến công vào quân Mỹ - ngụy trên khắp chiến trường miền Nam. Vùng giải phóng ở miền Nam ngày càng được mở rộng và củng cố. Qua giai đoạn 1965 - 1966, từ những thắng lợi quân sự và chính trị, ta đã tạo được thế và lực mới trên chiến trường, tạo điều kiện đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao. Ngày 28-1-1967, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố “có thể nói chuyện” với Hoa Kỳ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa². Như vậy, ta đã có sự điều chỉnh cần thiết, tạm thời không giữ nguyên lập trường như trong Tuyên bố bốn điểm ngày 8-4-1965, nhằm đánh vào luận điệu “đàm phán không điều kiện của Mỹ”, tác động vào nội tình nước Mỹ và tranh thủ dư luận quốc tế.

Tình thế bất lợi trên chiến trường và sự mềm dẻo về sách lược ngoại giao trên của ta làm cho nội bộ giới cầm quyền Mỹ có sự chia rẽ, phân hóa cao độ. Trong khi phái “chủ chiến” yêu cầu tăng quân Mỹ ở miền Nam và mở rộng đánh phá miền Bắc Việt Nam thì phái “ôn hòa” lại muốn kết thúc chiến tranh bằng một giải pháp hòa bình.

Vốn trước đây là người ủng hộ chủ trương đưa lực lượng quân sự vào miền Nam và đánh phá miền Bắc Việt Nam, nhưng đến lúc này, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara tỏ ra thất vọng, bi quan về kết quả

hoạt động quân sự cũng như những tổn thất về sinh lực, phương tiện chiến tranh của Mỹ. Đầu năm 1967, McNamara thay đổi thái độ, kiến nghị với Tổng thống Johnson về việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam phía trên vĩ tuyến 20. Tháng 8-1967, tại Ủy ban Quân lực Thượng nghị viện, ông ta nói: “Tính chất khốc liệt và kéo dài của cuộc chiến tranh ở Nam Việt Nam tạo ra mong muốn phải thay đổi nó bằng một kiểu oanh kích mới chống Bắc Việt Nam. Nhưng dù mong muốn thế nào, một sự thay đổi như vậy đối với tôi là hoàn toàn ảo tưởng. Theo đuổi mục tiêu này không chỉ là điều vô vọng mà còn mạo hiểm sinh mạng Mỹ và dân tộc chúng ta, đó là điều tôi không thể không kiến nghị”³. Tháng 11-1967, ông ta lại kiến nghị với Tổng thống Johnson: “hãy ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, Tổng thống không tiếp tục gửi quân sang miền Nam Việt Nam và xem xét những cuộc hành quân quân sự của Mỹ nhằm giảm bớt thương vong, giảm bớt sự tàn phá đất nước Việt Nam và chuyển vai trò ngày càng lớn lao cho lực lượng quân sự miền Nam Việt Nam”⁴.

Trái ngược với quan điểm của tướng McNamara, tướng Westmoreland lại cho rằng Mỹ có thể quét sạch đối phương ra khỏi miền Nam trong vòng hai năm tới. Ông ta yêu cầu Tổng thống Johnson tăng thêm quân cho miền Nam Việt Nam để giành thắng lợi về quân sự.

Chưa có hồi kết trong việc tranh cãi kéo dài trong nội bộ chính quyền Mỹ song tình hình thực tế đã buộc Tổng thống Johnson phải tính đến việc xuống thang chiến tranh: không tăng thêm nhiều quân theo yêu cầu của tướng Westmoreland, không đưa lực lượng ra đánh miền Bắc, mặt khác chấp thuận việc đề McNamara nhờ một số người làm trung gian tiếp xúc với Hà Nội đề nghị ngừng ném bom để đàm phán. Như vậy, trái với nỗ lực leo thang chiến tranh để giành thắng lợi về quân sự trước đó, đến lúc này, lập trường của Johnson đã có bước lùi đáng kể.

Về phía ta, sau khi đánh thắng cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của quân Mỹ - ngụy, từ tháng 5-1967, Bộ Chính trị đã tính đến một đòn tiến công quân sự lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân đội Mỹ, chur hầu và phần lớn quân ngụy, đánh bại kế hoạch bình định của địch, mở rộng ưu thế

quân sự của ta trên chiến trường, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị. Ta cho rằng nỗ lực quân sự của Mỹ đã đến đỉnh cao mà vẫn thất bại nên chúng sẽ tính đến việc rút quân nhưng là rút quân trên thế mạnh, vừa không mất thế diện lại vừa giữ được chế độ nguy quyền tay sai. “Vấn đề đặt ra là ta phải có nỗ lực rất lớn giáng cho địch một đòn mạnh kết hợp với sự khéo léo về sách lược và biết thắng với mức độ thích hợp khiến cho địch từ chỗ ngập ngừng muốn ra đến chỗ buộc phải rút ra và có lối ra có thể chấp nhận được”⁵. Trong chi thị gửi Trung ương Cục miền Nam tháng 6-1967, Bộ Chính trị đã nhận định mặc dù bị thất bại nặng nề về quân sự và chính trị, đế quốc Mỹ vẫn “đang ra sức tăng thêm những nỗ lực về quân sự lớn hơn nữa hòng giành một thắng lợi quân sự có tính chất quyết định ở miền Nam để làm hậu thuẫn cho một giải pháp chính trị”⁶.

Trên cơ sở đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch, Bộ Chính trị quyết định “đẩy mạnh những cố gắng chủ quan của ta đến mức cao nhất nhằm giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn”⁷.

Từ giữa năm 1967, công tác chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã được ta triển khai. Trong khi đó, giới cầm quyền Mỹ đang phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế và chia rẽ về chính trị do cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam gây ra. Nhiều nhà quan sát cảm thấy rằng nước Mỹ “đang trải qua một cái gì đó như bệnh suy nhược thần kinh trên toàn quốc”; “ngày càng chia rẽ và chống lại chính mình và do vậy dường như đang đứng trên bờ một cuộc khủng hoảng nội bộ cũng gay gắt không kém gì cuộc đại suy thoái những năm 30”⁸. Chính quyền Johnson đang ở vào thời điểm khủng hoảng, lúng túng cao độ.

Đầu tháng 12 -1967, Bộ Chính trị họp và ra nghị quyết động viên những nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam - Bắc nhằm đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định. Cụ thể hóa Nghị quyết trên của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 họp vào cuối tháng 1 năm 1968 đề ra nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ,

nhịp nhàng giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

Đêm 29 rạng ngày 30 và 31 tháng 1 năm 1968, cả miền Nam rung chuyển bởi cuộc tiến công quân sự mãnh liệt, bất ngờ của ta trong Tết Mậu Thân. Súng sọt, bàng hoàng là tâm trạng của cả nước Mỹ lúc bấy giờ. Chịu sức ép từ những thất bại nặng nề của chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cùng với phong trào phản đối chiến tranh lên cao của nhân dân Mỹ và các lực lượng dân chủ yêu chuộng công lý, hoà bình trên thế giới, ngày 31-3-1968, Tổng thống Johnson buộc phải tuyên bố xuống thang chiến tranh và chấp nhận giải pháp thương lượng; ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; không tham gia tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ hai; sẵn sàng đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để đi đến kết thúc chiến tranh; mở rộng lực lượng quân sự của Việt Nam Cộng hòa để có thể dần dần thay thế vai trò của lực lượng quân sự Mỹ.

Tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra của Johnson chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá miền Bắc) nhưng nó thể hiện rõ sự thay đổi chiến lược trong thế bị động của Mỹ là xuống thang chiến tranh. Để thúc đẩy xu thế đó và phối hợp với hoạt động quân sự trên chiến trường, ngày 3 tháng 4 năm 1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố “sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện”⁹. Phải thay đổi chiến lược từ leo thang đến xuống thang chiến tranh là thất bại lớn nhất của Mỹ do tác động trực tiếp từ những thất bại nặng nề về quân sự chính trị, ngoại giao trong giai đoạn 1965 - 1967, nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Sau khoảng hơn một tháng trao đổi ý kiến về địa điểm cuộc tiếp xúc Việt - Mỹ, ngày 13 tháng 8 năm 1968, cuộc đàm phán chính thức tại Paris bắt đầu giữa hai đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

và Hoa Kỳ. Đến tháng 11-1968, Mỹ ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc.

Rõ ràng là, nếu không có những thắng lợi vang dội về quân sự làm tiền đề để chúng ta đẩy mạnh đấu tranh chính trị và ngoại giao thì đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn không bao giờ chịu lùi bước và chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Paris!

2. Thắng lợi trên mặt trận quân sự quyết định kết quả trên bàn hội nghị

Đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris, song cuộc chiến tranh vẫn kéo dài vì những nguyên nhân khác nhau trong so sánh thế, lực giữa ta và địch cũng như những tác động từ quan hệ quốc tế:

Thứ nhất, lực lượng vũ trang của ta bị tổn thất nặng nề sau các đợt tiến công vào các thành phố ở miền Nam trong năm 1968 và gặp nhiều khó khăn trong những năm 1969 - 1970, mất chỗ đứng chân ở nhiều vùng nông thôn đồng bằng.

Thứ hai, Mỹ thực hiện Học thuyết Nixon, tiến hành chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* nhằm rút dần quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam để đối phó với dư luận trong nước và quốc tế nhưng vẫn duy trì được sức mạnh của quân đội và chính quyền Sài Gòn, tiếp tục thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam

Thứ ba, quan hệ Liên Xô - Trung Quốc ngày càng căng thẳng và đỉnh điểm là cuộc chiến tranh biên giới hai nước vào năm 1969. Trong lúc đó, quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc và Hoa Kỳ - Liên Xô đang phát triển theo chiều hướng hòa dịu. Hoa Kỳ muốn lợi dụng mâu thuẫn giữa hai đồng minh lớn nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thực hiện những bước đi nhằm thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô để lôi kéo hai nước này đồng tình với Mỹ trong việc giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam theo hướng có lợi cho mình.

Thứ tư, âm mưu của Mỹ là chia rẽ khối đoàn kết ba nước Đông Dương, phân hóa các lực lượng ủng hộ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên thế giới và tạo thế mạnh cho Mỹ, buộc đối phương chấp nhận một giải pháp kết thúc chiến tranh theo hướng có lợi cho Mỹ.

Hội nghị hai bên ở Paris sau nhiều phiên họp trong năm 1968 vẫn lâm vào tình trạng giằng co,

thậm chí có lúc bế tắc nhưng đã mở đầu cho một thời kỳ Việt Nam tiến công trực diện Mỹ về ngoại giao trên bàn hội nghị. Trong quá trình đấu tranh đó, phái đoàn Việt Nam luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và hành động phá hoại hiệp định Gionevo (7-1954) của Mỹ; đòi Mỹ rút quân và chừa hầu ra khỏi Việt Nam; chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam; từ bỏ ngụy quân Sài Gòn; đáp ứng lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trước quan điểm đứng đắn, thái độ kiên quyết của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cùng với những thất bại nặng nề trên chiến trường và tình hình nước Mỹ trước ngày bầu cử Tổng thống, Johnson tuyên bố ngừng ném bom bắn phá và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ ngày 01-11-1968. Sau sự kiện này, cuộc đấu tranh giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ bắt đầu xoay quanh vấn đề hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất tổ chức Hội nghị bốn bên bao gồm: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (Chính quyền Sài Gòn).

Tháng 1 năm 1969, Hội nghị 4 bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên tại Paris. Lập trường bốn bên, mà thực chất là của hai bên: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ, giai đoạn đầu rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho các cuộc đàm phán diễn ra gay gắt trên bàn hội nghị, đến mức nhiều lúc phải gián đoạn¹⁰.

Trong các phiên họp chung công khai cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, phía Việt Nam không bỏ qua bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh ở Đông Dương, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam, đòi Hoa Kỳ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam! (tác giả nhấn mạnh).

Về việc triệt thoái lực lượng quân đội nước ngoài tại miền Nam Việt Nam, phía Mỹ, trước sau vẫn nêu quan điểm “có đi có lại”, đòi hai bên (cả quân đội miền Bắc có tại miền Nam) “cùng rút quân”(!) Trong thời gian này, ta và Mỹ đều tìm mọi cách giành thắng lợi quyết định về quân sự để thay đổi cục diện trên chiến trường, lấy đó làm áp lực cho mọi giải pháp chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh mà cả hai phía đang giành giật trên bàn đàm phán nhưng chưa đạt kết quả. Về phía Mỹ, sau hai năm ngừng ném bom miền Bắc, từ năm 1970, Mỹ cho máy bay ném bom trở lại một số tỉnh miền Bắc.

Ngày 8-10-1972, phái đoàn ta đưa cho Mỹ bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam” và đề nghị thảo luận để đi đến ký kết. Lúc đầu, bản dự thảo được các bên nhất trí nhưng đến ngày 22-10-1972, phía Mỹ lật lọng viện dẫn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa đổi bản dự thảo. Hơn thế nữa, hồng buộc ta phải chấp nhận điều kiện của Mỹ và giúp nguy quân, nguy quyền ở miền Nam có được lợi thế về chính trị và quân sự, chính quyền Ních-xon đã tâm độc, xảo quyệt và tàn bạo thực hiện chiến dịch ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam. Với dã tâm “đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá”, từ ngày 18-12 đến 30-12-1972, đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc tập kích bằng không quân chiến lược B52 và các máy bay hiện đại nhất của chúng vào hai thành phố Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận.

Cuộc đụng đầu lịch sử trong 12 ngày đêm được ví là *Trận Điện Biên Phủ trên không* kết thúc bằng việc 34 pháo đài bay B52 và 5 máy bay F.111 của Mỹ bị bắn rơi ngay trên bầu trời Hà Nội và Hải Phòng. Thất bại thảm hại của Mỹ và tay sai trên chiến trường miền Nam cùng với thắng lợi vang dội của ta trong *Trận Điện Biên Phủ trên không* đã đẩy Mỹ và chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa vào thế thua không thể gượng nổi, buộc chúng phải chấp nhận nói lại đàm phán tại Paris. Trên tư thế bên chiến thắng, phái đoàn ta tại cuộc đàm phán đã kiên quyết đấu tranh giữ vững nội dung của dự thảo Hiệp định đã thỏa thuận.

Cuối cùng, ngày 23-1-1973 tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế Clê-be, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Paris), Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được Cố vấn đặc biệt Lê Đức

Thọ và Kit-xinh-giơ ký tắt. Ngày 27-1-1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký chính thức giữa Bộ trưởng Ngoại giao các bên, bao gồm 9 chương, 23 điều, nêu lên một số vấn đề cơ bản sau:

“Một, về quyền dân tộc cơ bản, Hoa Kỳ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã công nhận.

Hai, về vấn đề quân sự:

Việc ngừng bắn sẽ được thực hiện ở miền Nam từ 24 giờ (giờ GMT) ngày 27-1-1973. Đồng thời, Hoa Kỳ chấm dứt mọi hành động quân sự chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sẽ tháo gỡ bom mìn ở các cảng, sông ngòi trên miền Bắc.

Trong thời hạn 60 ngày, Hoa Kỳ và các đồng minh của Hoa Kỳ sẽ rút toàn bộ quân đội, lực lượng bán quân sự và cảnh sát ra khỏi miền Nam Việt Nam; hủy bỏ mọi căn cứ quân sự của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam...

Ba, về vấn đề miền Nam Việt Nam:

Tất cả các nước tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm; nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế; các nước ngoài không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam”¹¹.

Ngày 29-3-1973, Bộ Chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Đơn vị cuối cùng của quân đội viễn chinh Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự kiểm soát của sĩ quan Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Ủy ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Hiệp định Paris về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc, đã tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc: Mỹ cút, tắt yếu nguy nhào! Với bản Hiệp định này, đế quốc Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, tạo bước thuận lợi cho cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên, giành thắng lợi trong mùa Xuân 1975, giải phóng

hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh chính nghĩa, lâu dài, gian khổ thể hiện mạnh mẽ ý chí *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại.

Hiệp định Paris được ký kết là thắng lợi của đường lối, phương châm chỉ đạo đấu tranh đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đề ra, kết hợp chặt chẽ, sáng tạo cả ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao. Đường lối và phương châm chỉ đạo đó là: lấy đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trên chiến trường và là cơ sở của đấu tranh ngoại giao; chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn đàm phán những cái mà chúng ta giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không đơn thuần chỉ là sự phản ánh của tình hình chiến trường, mà trong bối cảnh quốc tế và do tính chất của cuộc chiến tranh, đấu tranh ngoại giao còn đóng một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế hết sức phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta, do biết kế thừa những kinh nghiệm trong các cuộc đàm phán trước đó tại Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã luôn giữ vững được sự độc lập, tự chủ về đường lối đối ngoại, tiến hành đàm phán trực tiếp

với Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Điều đó đã giúp cách mạng Việt Nam tránh được những tác động tiêu cực đến kết quả của Hội nghị Paris và tiếp tục đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

1. Báo Nhân Dân, ngày 5-4-1965.
2. *Hiệp định Paris 40 năm nhìn lại*, Nxb QĐND, H, 2013, tr. 17.
3. Mc Namara: *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 287.
4. Don Oberdorfer: *Tết*, Nxb Tổng hợp An Giang, 1998, tr. 58 - 61.
5. Văn Tiến Dũng: *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 195.
- 6, 7. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, t. 2 (1965 - 1970), Nxb ST, H, 1986, tr. 50, 50.
8. C. Herring: *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb CTQG, H, 1998, tr. 231, 232.
9. Báo Nhân dân, 4-4-1968.
10. Ngày 27-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được các bên có liên quan (Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam) chính thức ký kết tại Paris, nước Cộng hòa Pháp. Cuộc đàm phán kéo dài trong gần 5 năm (từ tháng 5-1968 đến tháng 1-1973) với tổng cộng 202 phiên họp chung công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng.
11. Vũ Dương Ninh: *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 - 2010 (tái bản lần thứ nhất)*, Nxb CTQG - ST, H, 2015, tr. 248.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN...

Tiếp theo trang 91

Bên cạnh việc trình bày khái quát, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, những nội dung chính thống trong giáo trình, đội ngũ giảng viên cần chú trọng lồng vào nội dung bài giảng những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống, thực tiễn quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra nhằm định hướng cách lý giải và nhận thức đúng đắn cho học viên. Từ đó, học viên sẽ hiểu, chia sẻ với quá trình nhận thức và hoàn thiện dần lý luận bản thân, tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa và con đường tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng. Đặt ra những vấn đề còn chưa hiểu để tiếp tục tìm hiểu để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay theo đường lối, quan điểm của Đảng

Cộng sản Việt Nam bởi Đảng ta khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII đó là: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn... Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo và chất lượng công tác hoạch định đường lối, chính sách phù hợp thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại”¹⁰.

- 1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 2, tr. 289, 289; t. 5, tr. 309; t. 15, tr. 117.
- 5, 6, 7, 8, 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, t. 1, tr. 110; 110; 232; 41; t. 2, tr. 41; 180.